

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 186/2021/HS-PT

Ngày: 18 - 8 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán: Ông Y Thông Kbuôr;
Ông Hoàng Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 162/TLST-HS, ngày 09/6/2021 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T, về tội: “Cố ý gây thương tích”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2021/HS-ST, ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn H - Sinh ngày: 29/5/1977, tại tỉnh Lạng Sơn;

Nơi cư trú: Thôn XL1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thư L, sinh năm 1941 và bà Nguyễn Thị N (Đã chết); Bị cáo có vợ là Lương Thị L, sinh năm 1980 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T - Sinh ngày: 15/8/1993, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn XL2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và bà Ma Thị T, sinh năm 1973; Bị cáo có vợ là Ma Thị D, sinh năm 1993 (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012; Tiền sự: không có; Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số: 47/2015/HSST, ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt Nguyễn Văn O 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2016,

nhưng chưa chấp hành xong trách nhiệm dân sự của bản án. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bảo bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:

- Ông Phùng Văn H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ, có mặt.

- Bà Đỗ Thị Hằng N - Luật sư Văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người bị hại: Anh Nông Văn D - Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn XL2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Luật sư Nguyễn Tiến T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/3/2019, Ma Văn H1 trú tại thôn XL2, xã E, huyện K có tổ chức đám cưới, trong số khách mời có nhóm người thuộc xã E, huyện K gồm: Nguyễn Văn T, Nông Văn D, Ma Vũ Q, Nông Văn Đ, Ma Văn H1, Lý Văn L, Ma Đức C, Ma Văn T1, Nông Văn D1 và Nông Văn T2, đều trú tại thôn XL2, xã E, huyện K và Nguyễn Văn H2, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Văn H (bố của T3) đều trú tại thôn XL1, xã Ea D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nhóm người của huyện E gồm: Nông Đình A, Nông Văn N, Nông Viết T4, trú tại thôn C, xã X, huyện E; Nông Văn L1, Hà Lương B, Nông Văn L2, Trương Văn H3, trú tại thôn T, xã XP, huyện E; Triệu Minh A1, trú tại thôn TN, xã XP, huyện E; Nông Trịnh Việt H4, trú tại thôn HL, xã XP, huyện E; Mông Văn Đ1, Mông Văn Đ2, trú tại thôn B, xã CP, huyện E và một người tên Ch (không rõ nhân thân lai lịch).

Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, khi đang nhảy trên sân khấu thì giữa Nông Đình A và Ch xảy ra mâu thuẫn, do có quen biết cả hai người này nên Nguyễn Văn T và Nông Văn D1 gọi Nông Đình A và Ch ra ngoài cổng rạp đám cưới nói chuyện giải hòa. Khi hai bên đang nói chuyện thì D1 bỏ đi vào trong rạp cưới, thấy vậy Nông Đình A đi theo kéo vai Nông Văn D1 lại, thì D1 hất tay A ra. Lúc này Nông Văn D (anh trai của D1) cầm chai bia chạy từ trong rạp cưới ra đánh A, khi A bỏ chạy thì bị 01 thanh niên (không xác định được là ai) cầm chai thủy tinh đánh vào đầu, A chạy qua gần chỗ chuồng heo nhà ông G. Khi thấy đánh nhau thì nhóm người xã E, huyện K gồm Nông Văn H2, Nguyễn Hữu T3, Ma Vũ Q, Nông Văn Đ, Nông Văn T2, Ma Đức C, Lý Văn L và nhóm người của huyện E gồm Nông Đình A, Hà Lương B, Nông Viết T4, Nông Trịnh Việt H4, Nông Văn N, Triệu Minh A1, Nông Văn L2, Mông Văn Đ1 lao vào nhau, người thì vào can ngăn, người thì tham gia đánh lộn xộn, không còn phân biệt nhóm ngoài rạp đám cưới và tại khu vực chuồng heo nhà ông G. Lúc này, Nông Đình A nhặt 01 cục đá ở sân xông vào đánh 01 cái vào thái dương của Nguyễn Hữu T3, còn T ôm D lại can ngăn không cho D đuổi đánh A, thì bị D dùng tay nắm 01 cái trứng mắt, T bức tức vì bị D đánh, nên đi vào chuồng heo nhà ông G bẻ lấy một đoạn cán cây

lau nhà bằng gỗ đi ra ngoài, lúc này D đang bị một nhóm người khoảng 4 - 5 thanh niên (không xác định được danh tính) đánh bằng chân tay, T cầm gậy đánh nhiều cái vào mặt D làm D bị thương tích ở mũi, bị đánh D chạy lại trước cổng rạp cưới gần gốc cây mít đứng, thấy D đang đứng, T cầm gậy định xông vào đánh D, thì được mọi người can ngăn không cho đánh tiếp.

Lúc này, Nguyễn Văn H đang ngồi ăn cơm trong nhà thì nghe tiếng đánh nhau bên ngoài nên ra xem, khi đi ra đến cửa thì nghe mọi người nói con trai là Nguyễn Hữu T3 và em trai là Nguyễn Văn H2 bị đánh thương tích, nên H chạy ra ngoài sân thì thấy T3 và H2 đang đứng gần chỗ đông người, trên đầu chảy nhiều máu, H chạy ra chỗ đám đông đang đánh nhau can ngăn và nói lớn “*các cháu đừng đánh nhau nữa*”, nhưng không ai nghe. H bức tức vì can ngăn không được và nghĩ đám đông đó đánh con và em trai của mình, nên H đến chỗ đông người cúi lấy 01 cái cuốc (loại cuốc sặc cỏ), H cầm bằng hai tay giơ cao, quay ngược phần lưỡi cuốc hướng lên trên và nhắm vào đám đông đánh xuống, mục đích là nhằm giải tán đám đông, tuy nhiên lúc này có Nông Văn D vừa mới bị Nguyễn Văn T đánh đang ngồi dưới đất, nên cán cuốc của H đã đánh trúng vào trán bên phải của D, làm D bị thương tích.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số 419/PY-TgT ngày 26/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Anh Nông Văn D bị bẻ lún sọ trán: 20%, vật tác động cứng tày; Gãy xương mũi, thương tích 8%, vật tác động cứng tày. Tổng thương tích là 28 %.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ một Clip ghi lại vụ đánh nhau và đã ra quyết định trưng cầu nhằm xác định các vết thương trên đầu Nông Văn D do ai gây ra. Tại kết luận giám định số 4399/C09B ngày 27/10/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, đã kết luận: Xác định đối tượng cầm cuốc (dạng cuốc sặc cỏ) đánh từ trên xuống, phần cán cuốc (gần lưỡi cuốc) trúng vào vùng đầu của nạn nhân và phần cán cuốc này tiếp xúc với trán của nạn nhân. Trên cơ sở Kết luận số 4399/C09B ngày 27/10/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định vết thương bị bẻ lún sọ trán (với tỷ lệ tổn thương cơ thể 20%) là do Nguyễn Văn H gây ra; Vết thương còn lại ở vùng xương mũi (8%) do Nguyễn Văn T gây ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HS-ST, ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại anh Nông Văn D số

tiền là 98.726.007 đồng. Chia theo phần bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Nông Văn D số tiền 65.817.338 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nông Văn D 32.908.669 đồng. Công nhận bị cáo H đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0001301 ngày 19/4/2021 để bồi thường cho anh D, bị cáo H còn phải tiếp tục bồi thường 60.817.338 đồng cho anh D. Công nhận bị cáo T đã bồi thường 4.000.000 đồng cho anh D, bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường 28.908.669 đồng cho anh D. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/5/2021 bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại mức bồi thường cho bị hại; Ngày 11/5/2021 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 30/4/2021, người bị hại Nông Văn D có đơn xin bãi nại đề nghị xem xét miễn trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T; Đến ngày 20/7/2021, người bị hại Nông Văn D có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Ngày 22/7/2021, người bị hại Nông Văn D có đơn bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về yêu cầu xem xét lại phần bồi thường thiệt hại và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như vụ án đã được tóm tắt nêu trên và bị cáo trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã gặp xin lỗi người bị hại và đã bồi thường cho anh Nông Văn D thêm số tiền 30.000.000 đồng, anh D đã có đơn bãi nại cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã đến xin lỗi anh Nông Văn D và đã bồi thường tiếp cho người bị hại số tiền 28.908.669 đồng theo như quyết định của bản án sơ thẩm, giữa bị cáo và anh D đã thỏa thuận xong việc bồi thường và anh Nông Văn D đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc rút yêu cầu khởi tố của người bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại Nông Văn D trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường tiếp số tiền là 28.908.669 đồng nên bị hại đã có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo T. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H thì đã bồi thường thêm số tiền 30.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo H được hưởng án treo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và xét xử bị cáo Nguyễn Văn H, về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Đối với bị cáo Nguyễn Văn

T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm thì người bị hại đã có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo T. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi tố của người bị hại là tự nguyện nên cần hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H: Về mức hình phạt 03 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt là có phần nghiêm khắc so với hành vi của bị cáo; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường tiếp cho người bị hại số 30.000.000 đồng và người bị hại đã có đơn bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo H được hưởng án treo; đồng thời bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo có chú ruột là liệt sỹ và hiện nay bị cáo là người thờ cúng liệt sỹ, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo nhất thời phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H đã rút kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần trách nhiệm dân sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Căn cứ khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 1 Điều 355 và Điều 359 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm.

- Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H về phần trách nhiệm dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H trình bày ý kiến bào chữa: Không có ý kiến gì về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử đối với bị cáo, tuy nhiên về mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, bởi lẽ: Cần xem xét nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội là do bị cáo thấy các bên đánh nhau nên ra can ngăn nhưng các bên không dừng việc xô xát và khi đó, thấy em và con của bị cáo bị đánh thương tích nên bị cáo bức xúc và nhất thời gây ra thương tích cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Đồng thời, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã đến xin lỗi người bị hại, bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng và tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại đã đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ và cho bị cáo được hưởng án treo; bị cáo có chú ruột là liệt sỹ và hiện nay bị cáo đang thờ cúng liệt sỹ, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới chưa được xem xét. Người bào chữa đồng ý với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, đồng thời bị cáo phạm tội lần đầu có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Văn H nhất trí với ý kiến của người bào chữa và không tranh luận, bào chữa gì thêm; Bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc rút yêu cầu khởi tố của người bị hại đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nông Văn D trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H đã đến xin lỗi và bồi thường thêm cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng; bị cáo đã thành khẩn khai nhận và ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của người bị hại và xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo H được hưởng án treo.

Người bị hại anh Nông Văn D nhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và không tranh luận gì thêm.

Bị cáo Nguyễn Văn H nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội; Bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc rút yêu cầu khởi tố của người bị hại đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 13 giờ ngày 13/3/2019, tại thôn XL2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, do có mâu thuẫn trong lúc can ngăn việc đánh nhau ở đám cưới nên Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng gậy gỗ đánh vào vùng mặt của anh Nông Văn D, hậu quả làm anh D bị gãy xương mũi, gây thương tích là 08%. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Khi thấy đánh nhau lộn xộn ở ngoài sân thì bị cáo từ trong nhà đi ra can ngăn nhóm thanh niên đừng đánh nhau nữa, nhưng không ai nghe, đồng thời thấy con trai và em trai của mình bị đánh chảy máu đầu, bị cáo bức tức nên đã cầm cuốc và dùng phần cán cuốc đánh vào đám đông để giải tán, nên cán cuốc đã trúng vào trán bên phải của anh Nông Văn D, làm cho anh D bị thương tích là 20%. Trong vụ án này, bị cáo H và bị cáo T thực hiện hành vi độc lập và không đồng phạm với nhau, thương tích của bị hại do các bị cáo gây ra độc lập nhau, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với phần thương tích mà từng bị cáo đã gây ra cho người bị hại. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự, là có căn cứ và đúng người, đúng tội.

[2] Đối với kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Người bị hại anh Nông Văn D có đơn yêu cầu khởi tố vụ án đối với Nguyễn Văn T và bị cáo bị xét xử theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự; về mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo T đã bồi thường tiếp cho người bị hại Nông Văn D toàn bộ số tiền mà bản án sơ thẩm đã tuyên là 28.908.669 đồng và ngày 30/4/2021, anh Nông Văn D đã có đơn xin bãi nại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đến ngày 21/7/2021, anh Nông Văn D có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xét thấy, việc người bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án là hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc, cưỡng bức. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 155 và Điều 359 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận việc rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án của người bị hại, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T, là phù hợp với quy định của pháp luật. Lý do hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T là do người đã yêu cầu khởi tố vụ án hình sự rút đơn yêu cầu, không phải do lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm.

[2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Về mức hình phạt 03 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bởi lẽ: Bị cáo chỉ nhất thời phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế. Đồng thời, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã đến xin lỗi bị hại và tiếp tục bồi thường thêm cho người bị hại số tiền là 30.000.000 đồng, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện và bị hại đã có đơn bãi nại cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu xác nhận bị cáo có chú ruột Nguyễn Văn O là Liệt sỹ, hiện nay bị cáo đang thờ cúng Liệt sỹ và bị hại đã đề nghị Hội đồng xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng treo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới được cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và do bộc phát nhằm can ngăn đám đông dừng lại việc xô xát, không chủ đích gây thương tích cho bị hại, đồng thời bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo tại chỗ, dưới sự theo dõi giám sát của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp, như vậy cũng đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

[3] Về phân trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn H đã rút kháng cáo đề nghị xem xét lại mức bồi thường thiệt hại. Xét thấy, việc bị cáo rút một phần kháng cáo là tự nguyện và không liên quan đến kháng cáo khác. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H về phân trách nhiệm

dân sự và quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ: Khoản 2 Điều 155; điểm d khoản 1 Điều 355 và Điều 359 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc người bị hại anh Nông Văn D rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T và chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T.

Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HS-ST, ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

[2] Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HS-ST, ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H về phần trách nhiệm dân sự. Quyết định của bản án sơ thẩm phần trách nhiệm dân sự có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đ;
- Văn phòng QCSĐT CA tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình